TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 210/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hoá, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 167/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh ngày: 10/10/1978; số định danh cá nhân: 038078007304; địa chỉ: Thôn I, xã L, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh ngày: 05/10/1984; số định danh cá nhân: 038184002432; địa chỉ: Thôn I, xã L, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 88, Điều 89, Điều 101, Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Mai A, sinh ngày 26/01/2005.

Hiện nay con chung đã thành niên (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về xác định cha cho con: Xác định cháu Nguyễn Như N1, sinh ngày 12/01/2013 (theo Giấy khai sinh số 87, ngày đăng ký 30/01/2018 của UBND xã T, huyện T (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa và Phiếu kết quả xét nghiệm giải trình tự gen (AND huyết thống dân sự) ngày 23/03/2026 của Phòng xét nghiệm Viện công nghệ di truyền G), không phải là con đẻ của anh Nguyễn Văn C.

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cải chính hộ tịch cho cháu Nguyễn Như N1 theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002867 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Như vậy, anh Nguyễn Văn C được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Sao Vàng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến